

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 39/2020/HNGĐ- ST

Ngày 17-8-2020

“V/v: Tranh chấp xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Kim Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Ánh.

2/ Ông Đào Văn Hiến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Jet – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười tham gia phiên tòa: Ông Lương Ngọc Tiến – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2020, về việc: “Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 310/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 27 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngô Thị Cẩm Đ**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

- Bị đơn: **Phan Văn T**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp 4, xã L, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

Tạm trú: Ấp 4, xã T, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

(Chị Đ có mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Ngô Thị Cẩm Đ trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T được hai bên đồng ý tổ chức đám cưới vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/5/2013.

Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng 03 năm trở lại đây thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T không lo làm ăn mà tham gia cờ bạc phải lâm cảnh vào nợ nần, chị trả nợ nhiều lần và khuyên can nhưng anh T không nghe. Mỗi lần như vậy anh T kiếm chuyện đánh đập chị, vì thương con nên chị cố gắng chịu đựng mong chờ anh T suy nghĩ nhưng anh T vẫn tính nào, tật nấy. Từ đó tình cảm vợ chồng không còn như trước, không khí gia đình lúc nào cũng căng thẳng. Nhận thấy hôn nhân không còn nín kéo được nữa. Nay, chị yêu cầu ly hôn với anh T.

- Về quan hệ nuôi con: Có 01 con chung tên Phan Hồng N, sinh ngày 11/11/2013. Hiện con đang sống chung với chị Đ, chị Đ yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

- Về quan hệ tài sản, nợ: Không có.

Bị đơn: Anh Phan Văn T được Tòa án triệu tập và niêm yết hợp lệ, nhưng vắng mặt không lý do. Tòa án đã ban hành Thông báo yêu cầu anh có văn bản ý kiến đối với yêu cầu của chị Đ nhưng anh không thực hiện.

- Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng khác:

+Về tố tụng: Thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, người tham gia tố tụng đều đúng quy định của pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện, thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt hợp lệ, đầy đủ cho các đương sự và tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn Phan Văn T chưa chấp hành nghiêm quy định như vắng mặt phiên hòa giải và phiên tòa xét xử.

+Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của chị Đ về việc xin ly hôn và nuôi con. Cho chị Đ được ly hôn với anh T và tiếp tục giao con cho chị Đ nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 28/11/2019 và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp giữa các đương sự là Tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 3 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Phan Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng không đến tham dự phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt anh.

[3]. Về nội dung vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh T được xác lập trên cơ sở tìm hiểu, quen biết nhau trước mới tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống chị Đ và anh T phát sinh mâu thuẫn, không còn hạnh phúc, do anh T không lo làm ăn mà đam mê cờ bạc dẫn đến nợ nần. Chị khuyên can nhiều lần mà anh T không nghe. Tại phiên tòa hôm nay, chị xác định không còn tình cảm gì với anh T nữa, có sống chung cũng không mang lại hạnh phúc, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Xét, yêu cầu xin ly hôn của chị Đ là có cơ sở bởi lẽ: Qua xác minh thu thập chứng cứ được biết, do tham gia cờ bạc dẫn đến nợ nần, anh T thường xuyên đi khỏi nơi cư trú, thỉnh thoảng có về thăm con. Anh T không thực hiện các nghĩa vụ của người chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình đó là nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng nhau thực hiện các công việc của gia đình, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau. Vì vậy có căn cứ cho rằng, anh T đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người chồng.

Mặc khác, trong quá trình giải quyết, Tòa án thực hiện việc triệu tập hợp lệ cho anh T nhưng anh vẫn vắng mặt. Điều này thể hiện sự không trách nhiệm của anh T đối với hôn nhân của mình, không có thiện chí trong việc giải quyết mâu thuẫn và hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó, xét thấy yêu cầu ly hôn của chị Đ là có căn cứ phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

1. “Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được”.

[2] Về con chung: Xét yêu cầu nuôi con của chị Đ là có căn cứ bởi lẽ: Chị là người đang trực tiếp nuôi dạy con, sống chung với ba mẹ ruột, chị đang đi làm cho Công ty có thu nhập ổn định, có điều kiện về thời gian, lo cho con học hành đàng hoàng, đảm bảo sức khỏe tốt. Xét về quyền lợi mọi mặt của con nên chấp nhận giao con cho chị Đ nuôi dưỡng là phù hợp pháp luật theo khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

2. Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về quan hệ tài sản: Không có.

[4] Về quan hệ nợ: Không có.

[5] Về án phí: Chị Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Ngô Thị Cẩm Đ.

Cho chị Ngô Thị Cẩm Đ được ly hôn với anh Phan Văn T.

- Về quan hệ nuôi con: Chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị Đ.

Cho chị Đ được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Phan Hồng N, sinh ngày 11/11/2013, chị Đ không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người đó.

- Về quan hệ tài sản: Không có.

- Về quan hệ nợ: Không có.

- Về án phí: Chị Ngô Thị Cẩm Đ nộp 300.000đ án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006944 ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

Chị Đ có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án tại nơi anh T tính cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án

dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh, huyện;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- THA dân sự huyện;
- Dương sự;
- UBND xã.
- Lưu: HSVA (Oanh)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Kim Oanh